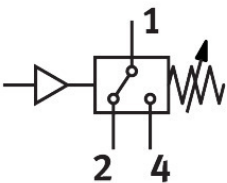


# Công tắc áp suất PEV-W-KL-LED-GH

Số bộ phận: 152618

FESTO



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                              | Giá trị                                                       |
|---------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| Giấy phép                             | Dấu RCM                                                       |
| Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)   | theo chỉ thị EMC của EU<br>theo chỉ thị RoHS của EU           |
| Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp) | theo quy định UK cho EMV<br>theo các quy định UK RoHS         |
| Ghi chú vật liệu                      | Tuân thủ RoHS                                                 |
| Kích thước đo                         | Áp suất tương đối                                             |
| Phương pháp đo lường                  | Bộ chuyển đổi áp suất khí nén-điện                            |
| Dải đo áp suất                        | 2 bar...8 bar                                                 |
| Áp suất vận hành                      | 0 bar...8 bar                                                 |
| Áp suất quá tải tối đa                | 20 bar                                                        |
| Môi chất vận hành                     | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:-:-]                          |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo) |
| Nhiệt độ trung bình                   | 0 °C...60 °C                                                  |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh        | 0 °C...60 °C                                                  |
| Chức năng phần tử chuyển mạch         | Công tắc chuyển đổi                                           |
| trễ                                   | 0.5 bar...2 bar                                               |
| Tần số chuyển mạch tối đa             | 3 Hz                                                          |
| Dòng điện đầu ra tối đa               | 2500 mA                                                       |
| Dải điện áp hoạt động DC              | 10 V...30 V                                                   |
| Cổng nối điện 1, kiểu kết nối         | Đầu kẹp vít                                                   |
| Cổng nối điện 1, công nghệ kết nối    | Đầu kẹp vít                                                   |
| Cổng nối điện 1, số chân cắm/dây      | 4                                                             |
| Kiểu gắn                              | với lỗ xuyên<br>với ray DIN<br>tùy ý:                         |
| Vị trí lắp đặt                        | bất kỳ                                                        |
| Cổng nối khí nén                      | M5                                                            |
| trọng lượng sản phẩm                  | 56 g                                                          |
| Vật liệu vỏ                           | PA<br>PET<br>POM                                              |

| Đặc tính                           | Giá trị                |
|------------------------------------|------------------------|
| Màng vật liệu                      | NBR                    |
| Hiển thị trạng thái chuyển mạch    | Đèn LED màu vàng       |
| Phạm vi cài đặt các giá trị ngưỡng | 2 bar...8 bar          |
| Mức độ bảo vệ                      | IP20                   |
| Lớp chống ăn mòn KBK               | 2 - bị ăn mòn vừa phải |
| Tuân thủ LABS                      | VDMA24364 Vùng III     |